Chi tiết mã HS 3006.30.10

Mã HS	3006.30.10
Mô tả hàng hóa	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Chế phẩm cản quang dùng trong việc kiểm tra bằng tia X; các chất thử chẩn đoán bệnh được chỉ định dùng cho bệnh nhân: / - - Bari sulphat, dạng uống (*)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 01:55:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30063010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	10.5	10,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4672
Thuế NK ưu đãi (MFN)	7	7%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4672
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4672
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,8	0,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,8	0,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	4.9	4,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4596
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4557
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4557
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4557
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4557
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4557
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4557
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4595
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4595

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4595
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4595
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4595
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4595
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4599
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4599
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4599
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4599
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4599
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4599
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4599
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4563
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4559
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4559
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4559
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4559
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4559
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4559
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4559
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4559
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4559
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4559
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4559
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4559
VCFTA	2022	2022	1	VC!D4606
VCFTA	2023	2023	1	VC!E4606

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4606
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4606
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4606
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4606
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4603
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4603
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4603
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4603
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4603
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4603
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4611
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4611
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4611
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4611
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4611
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4611
EVFTA	2022	2022	4,3	EV-NK!D4582
EVFTA	2023	2023	3,5	EV-NK!E4582
EVFTA	2024	2024	2,6	EV-NK!F4582
EVFTA	2025	2025	1,7	EV-NK!G4582
EVFTA	2026	2026	0,8	EV-NK!H4582
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4582
UKVFTA	2022	2022	4,3	UKV!D4584
UKVFTA	2023	2023	3,5	UKV!E4584
UKVFTA	2024	2024	2,6	UKV!F4584
UKVFTA	2025	2025	1,7	UKV!G4584

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0,8	UKV!H4584
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4584
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4582
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4582
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4582
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4582
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4582
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4582
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4582
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4603
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4603
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4603
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4603
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4603
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4603
RCEP B	2022	2022	0	B!D4603
RCEP B	2023	2023	0	B!E4603
RCEP B	2024	2024	0	B!F4603
RCEP B	2025	2025	0	B!G4603
RCEP B	2026	2026	0	B!H4603
RCEP B	2027	2027	0	B!I4603
RCEP C	2022	2022	0	C!D4603
RCEP C	2023	2023	0	C!E4603
RCEP C	2024	2024	0	C!F4603
RCEP C	2025	2025	0	C!G4603
RCEP C	2026	2026	0	C!H4603

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4603
RCEP D	2022	2022	0	D!D4603
RCEP D	2023	2023	0	D!E4603
RCEP D	2024	2024	0	D!F4603
RCEP D	2025	2025	0	D!G4603
RCEP D	2026	2026	0	D!H4603
RCEP D	2027	2027	0	D!I4603
RCEP E	2022	2022	0	E!D4606
RCEP E	2023	2023	0	E!E4606
RCEP E	2024	2024	0	E!F4606
RCEP E	2025	2025	0	E!G4606
RCEP E	2026	2026	0	E!H4606
RCEP E	2027	2027	0	E!I4606
RCEP F	2022	2022	0	F!D4603
RCEP F	2023	2023	0	F!E4603
RCEP F	2024	2024	0	F!F4603
RCEP F	2025	2025	0	F!G4603
RCEP F	2026	2026	0	F!H4603
RCEP F	2027	2027	0	F!I4603
VIFTA	2024	2024	6,3	VI!F4243
VIFTA	2025	2025	5.6	VI!G4243
VIFTA	2026	2026	4.9	VI!H4243
VIFTA	2027	2027	4.2	VI!I4243

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3006.30 có 4 dòng thuế; dòng 3006.30.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bari sulphat, dạng uống (*).	3006.30.20 Các chất thử nguồn gốc vi sinh, loại phù hợp để chẩn đoán sinh học trong thú y; 3006.30.30 Các chất thử chẩn đoán vi sinh khác; 3006.30.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3006.30.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 7% của mã 3006.30.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4672), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.